

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2021/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Bị đơn: **Anh Nguyễn Xuân Th**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Anh Nguyễn Xuân Th1**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều: 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- 1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Nguyễn Xuân Th.
- 2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:
 - a. *Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:* Chị C và anh Th có 02 (hai) con C là cháu Nguyễn Thế C, sinh ngày 17/6/2009 và cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 04/9/2016. Khi ly hôn, chị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C và cháu T đến khi từng cháu thành niên. Anh Th có trách nhiệm cấp

dưỡng nuôi con chung cùng chị C số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/1 cháu/1 tháng, kể từ tháng 5/2021 đến khi từng cháu thành niên.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

- b. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp của vợ chồng*: Chị C và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.
 - c. *Về nợ C*: Chị C và anh Th có nợ anh Nguyễn Xuân Th1 số tiền 158.000.000đ (một trăm năm mươi tám triệu đồng), không tính lãi. Khi ly hôn, chị C có trách nhiệm thanh toán, trả cho anh Th1 số tiền 79.000.000đ (bảy mươi chín triệu đồng); anh Th có trách nhiệm thanh toán, trả cho anh Th1 số tiền 79.000.000đ (bảy mươi chín triệu đồng). Chị C và anh Th không phải trả bất kỳ khoản tiền lãi nào, do anh Th1 không yêu cầu.
3. *Về án phí*: Chị C tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và tự nguyện nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con thay cho anh Th. Tổng cộng, chị C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí. Xác nhận chị C đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0003084 ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.
 4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.
 5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai

